

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01001	Nông Hoàng	An	17.09.1998		1754030001	K9A_TKDH		
2	.01002	An Thu Phương	Anh	07.11.1999		1754030104	K9C_TKDH		
3	.01003	Bùi Thị Lan	Anh	09.10.2000		1853420001	K12 QLVH		
4	.01004	Đinh Thị Tú	Anh	14.04.1999		1853420093	K12 QLVH		
5	.01005	Đỗ Mai	Anh	02.12.2000		1854040002	K12 TKTT		
6	.01006	Hoàng	Anh	22.12.1999		1754030103	K9C_TKDH		
7	.01007	Hoàng Phương	Anh	07.07.2000		1854040001	K12 TKTT		
8	.01008	La Quang	Anh	04.02.2000		1852080003	K4 Piano		
9	.01009	Lê Ngọc	Anh	20.12.1998		1754030051	K9B_TKDH		
10	.01010	Lê Thị Huyền	Anh	10.03.1999		1752050038	K5B_TN		
11	.01011	Ngô Hải	Anh	29.02.2000		1852050001	K6A TN		
12	.01012	Nguyễn Hồng	Anh	07.12.2000		1854040006	K12 TKTT		
13	.01013	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	09.08.1999		1752040003	K1_CNM		
14	.01014	Nguyễn Thị Vân	Anh	19.06.1998		1754030102	K9C_TKDH		
15	.01015	Nguyễn Tuấn	Anh	10.12.2000		1852050039	K6B TN		
16	.01016	Trần Thị Cao	Anh	04.04.2000		1854040003	K12 TKTT		
17	.01017	Trần Thị Lan	Anh	19.12.1999		1754030002	K9A_TKDH		
18	.01018	Trần Thị Lan	Anh	01.12.1998		1754030052	K9B_TKDH		
19	.01019	Trần Thị Ngọc	Anh	26.10.2000		1854040005	K12 TKTT		
20	.01020	Trịnh Hoàng	Anh	23.11.1996		1654030107	K8C_TKDH		
21	.01021	Vũ Ngọc	Anh	17.03.1999		1752040001	K1_CNM		
22	.01022	Vũ Phương	Anh	01.02.1996		1852080002	K4 Piano		
23	.01023	Vũ Tú	Anh	04.02.1999		1852080001	K4 Piano		
24	.01024	Ngô Hồng	ánh	17.04.2000		1853420003	K12 QLVH		
25	.01025	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	16.09.2000		1854040007	K12 TKTT		
26	.01026	Vũ Ngọc	ánh			vungocanh	K4 TKDH		
27	.01027	Vũ Thị	ánh	23.10.1999		1754030106	K9C_TKDH		
28	.01028	Vũ Thị Ngọc	ánh	10.04.2000		1852340002	K4 DVK-DA		
29	.01029	Cao Thị Ngọc	Bích	25.09.1999		1754040049	K11B_ TKTT		

Tổng số 29 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01030	Nguyễn Minh	Châu	23.03.2000		1854040008	K12 TKTT		
2	.01031	Nguyễn Nhật Minh	Châu	28.10.1999		1751030001	K4 HH		
3	.01032	Nguyễn Thị	Chi	26.09.2000		1853420005	K12 QLVH		
4	.01033	Nguyễn Thị Huệ	Chi	28.12.1999		1754030054	K9B_TKDH		
5	.01034	Nguyễn Thị Quê	Chi	28.10.2000		1854040069	K12 TKTT		
6	.01035	Nguyễn Thị	Chung	07.10.1999		1754030003	K9A_TKDH		
7	.01036	Đỗ Cao	Cường	11.10.2000		1853420007	K12 QLVH		
8	.01037	Phạm Thị	Diệp	19.07.2000		1854040009	K12 TKTT		
9	.01038	Phạm Thị Hoàng	Diệu	05.02.1999		1754030108	K9C_TKDH		
10	.01039	Nguyễn Ngọc	Dung	24.06.2000		1854040010	K12 TKTT		
11	.01040	Lê Trí	Dũng	20.09.2000		1853420066	K12 QLVH		
12	.01041	Nguyễn Tiến	Dũng	13.02.1999		1754030009	K9A_TKDH		
13	.01042	Khúc Thị	Duyên	13.01.2000		1853420086	K12 QLVH		
14	.01043	Mai Thu	Duyên	04.10.1999		1754030111	K9C_TKDH		
15	.01044	Nguyễn Mỹ	Duyên	03.10.1997		1754040050	K11B_TKTT		
16	.01045	Bùi Trần	Dương	27.04.1999		1754030010	K9A_TKDH		
17	.01046	Nguyễn Khánh	Dương	30.08.1998		1654030009	K8A_TKDH		
18	.01047	Nguyễn Tùng	Dương	16.07.1999		1752050008	K5A_TN		
19	.01048	Phạm Thị Thùy	Dương	09.03.1999		1754030110	K9C_TKDH		
20	.01049	Lê Văn	Đại	06.06.1996		1652340002	K2DVK		
21	.01050	Nguyễn Quang	Đảng	13.07.1999		1754030004	K9A_TKDH		
22	.01051	Triệu Gia	Đạt	25.12.2000		1853420009	K12 QLVH		
23	.01052	Trịnh Xuân	Đạt	10.12.1999		1754040061	K11B_TKTT		
24	.01053	Lò An	Đức	27.04.1995		1354030087	K5B_TKĐH		
25	.01054	Trần Minh	Đức	24.06.1999		1854040011	K12 TKTT		
26	.01055	Trần Trung	Đức	16.03.1999		1754030007	K9A_TKDH		
27	.01056	Hoàng Thị Trà	Giang	11.04.1999		1754030011	K9A_TKDH		
28	.01057	Hương Thị Hương	Giang	27.06.2000		1854040012	K12 TKTT		
29	.01058	Nguyễn Minh	Giáng	29.12.2000		1853420083	K12 QLVH		
30	.01059	Nguyễn Hải Ngân	Hà	23.03.1999		1754030012	K9A_TKDH		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên	Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01060	Phạm Thị Hà	23.12.2000		1854040013	K12 TKTT		
2	.01061	Quách Long Hải	17.09.2000		1852050010	K6A TN		
3	.01062	Đặng Thị Hạnh	25.02.1999		1754030113	K9C_TKDH		
4	.01063	Hoàng Thị Hạnh	09.08.1989		1852040007	K2 CNM		
5	.01064	Nguyễn Thị Huyền	05.02.1999		1754030061	K9B_TKDH		
6	.01065	Phí Hải	21.05.1999		1754030014	K9A_TKDH		
7	.01066	Trần Thị Hảo	26.10.1999		1853420052	K12 QLVH		
8	.01067	Ân Thị Minh Hằng	13.04.2000		1852050058	K6B TN		
9	.01068	Nguyễn Thị Hằng	22.09.2000		1854040067	K12 TKTT		
10	.01069	Lưu Thu Hiền	12.10.2000		1854040015	K12 TKTT		
11	.01070	Nguyễn Lê Thanh Hiền	26.06.1999		1754030062	K9B_TKDH		
12	.01071	Nguyễn Thu Hiền	17.10.2000		1854040016	K12 TKTT		
13	.01072	Vũ Thị Thúy Hiền	25.05.2000		1853420014	K12 QLVH		
14	.01073	Bạch Ngọc Hiệp	01.10.1999		1853420015	K12 QLVH		
15	.01074	Nguyễn Thị Hiệp	08.06.2000		1852080009	K4 Piano		
16	.01075	Lê Trung Hiếu	27.03.1999		1754030016	K9A_TKDH		
17	.01076	Lương Thị Hoa	02.08.1998		1754030114	K9C_TKDH		
18	.01077	Trần Mai Hoa	04.06.2000		1852080011	K4 Piano		
19	.01078	Nguyễn Tương ánh Hồng	27.03.1999		1754030115	K9C_TKDH		
20	.01079	Phạm Thị Hồng	16.10.2000		1852040005	K2 CNM		
21	.01080	Cao Thị Huệ	17.09.2000		1852050045	K6B TN		
22	.01081	Phạm Văn Hùng	18.08.1997		1754030018	K9A_TKDH		
23	.01082	Bùi Quang Huy	24.03.1996		1752080020	K3 Piano		
24	.01083	Nguyễn Tiến Huy	11.10.1998		1754030068	K9B_TKDH		
25	.01084	Đoàn Thanh Huyền	01.09.1999		1754030069	K9B_TKDH		
26	.01085	Lê Thị Thanh Huyền	30.01.2000		1854040017	K12 TKTT		
27	.01086	Lê Thị Thu Huyền	07.01.1999		1754030116	K9C_TKDH		
28	.01087	Trần Thị Thanh Huyền	20.04.1999		1754030020	K9A_TKDH		
29	.01088	Đặng Mai Hương	16.12.1994		1852050046	K6B TN		
30	.01089	Lương Thị Thu Hương	10.08.2000		1854040019	K12 TKTT		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01090	Ngô Thu	Hương	06.09.2000		1854040075	K12 TKTT		
2	.01091	Nguyễn Quỳnh	Hương	02.10.2000		1854040018	K12 TKTT		
3	.01092	Nguyễn Thu	Hương	05.06.2000		1853420064	K12 QLVH		
4	.01093	Phạm Thị	Hương	10.05.2000		1852040002	K2 CNM		
5	.01094	Ngô Thị	Hường	10.03.2000		1854040020	K12 TKTT		
6	.01095	Nguyễn Thị Thanh	Hường	25.11.2000		1853420019	K12 QLVH		
7	.01096	Nguyễn Thu	Hường	04.12.2000		1853420065	K12 QLVH		
8	.01097	Đinh Quang	Khải	01.09.1999		1754030070	K9B_TKDH		
9	.01098	Vũ Thị Ngọc	Khánh	01.06.2000		1854040065	K12 TKTT		
10	.01099	Phạm Duy	Kiên	12.11.2000		1853420082	K12 QLVH		
11	.01100	Lê Hữu	Kiệt	21.07.1999		1852050015	K6A TN		
12	.01101	Lê Tùng	Lâm	11.12.1999		1754030021	K9A_TKDH		
13	.01102	Nguyễn Đạo	Lâm	20.08.2000		1853420021	K12 QLVH		
14	.01103	Vũ Thái	Lâm	30.08.1999		1852050047	K6B TN		
15	.01104	Hoàng Nhật	Lệ	30.11.2000		1854040045	K12 TKTT		
16	.01105	Trần Phương	Liên	08.09.1999		1754030117	K9C_TKDH		
17	.01106	Hoàng Thị Nhật	Linh	13.04.1999		1754030072	K9B_TKDH		
18	.01107	Khuông Thị Diệu	Linh	08.09.1999		1754030118	K9C_TKDH		
19	.01108	Lê Phương	Linh	07.12.1999		1752040017	K1_CNM		
20	.01109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03.06.2000		1854040066	K12 TKTT		
21	.01110	Nguyễn Thùy	Linh	20.04.1998		1754030022	K9A_TKDH		
22	.01111	Nguyễn Yến	Linh	07.01.2000		1853420024	K12 QLVH		
23	.01112	Phạm ánh	Linh	08.09.1998		1852050048	K6B TN		
24	.01113	Vũ Thùy	Linh	22.02.1999		1752050048	K5B_TN		
25	.01114	Nguyễn Thành	Long	07.01.1999		1754030120	K9C_TKDH		
26	.01115	Trần Hoàng	Long	15.04.1998		1654030202	K8A_TKDH		
27	.01116	Phạm Thị	Luyến	13.12.2000		1854040026	K12 TKTT		
28	.01117	Lê Thị Hương	Ly	24.01.1999		1752050049	K5B_TN		
29	.01118	Nguyễn Hương	Ly	03.10.1999		1754030122	K9C_TKDH		

Tổng số 29 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên	Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01119	Nguyễn Thị Khánh Ly	05.01.1999		1754030123	K9C_TKDH		
2	.01120	Nguyễn Thị Vân Ly	16.03.2000		1853420057	K12_QLVH		
3	.01121	Đoàn Thị Lý	21.12.2000		1852340005	K4_DVK-DA		
4	.01122	Nguyễn Hương Lý	20.10.1999		1754030023	K9A_TKDH		
5	.01123	Đỗ Thị Thanh Mai	02.10.2000		1854040027	K12_TKTT		
6	.01124	Hoàng Ngọc Mai	14.01.1999		1754030074	K9B_TKDH		
7	.01125	Trần Thị Ngọc Mai	22.01.2000		1854040028	K12_TKTT		
8	.01126	Đinh Trung Minh	24.09.1999		1754030125	K9C_TKDH		
9	.01127	Nguyễn Đình Minh	30.08.2000		1852050049	K6B_TN		
10	.01128	Phạm Thị Minh	04.11.2000		1854040029	K12_TKTT		
11	.01129	Vũ Triều Minh	26.08.1999		1753420033	K11_QLVH		
12	.01130	Nguyễn Thị Huyền My	23.10.1995		1554030037	K7A_TKĐH		
13	.01131	Nguyễn Thị Trà My	03.02.2000		1852050020	K6A_TN		
14	.01132	Bùi Như Nam	15.02.1999		1754030076	K9B_TKDH		
15	.01133	Nguyễn Đắc Nam	30.04.1999		1754030126	K9C_TKDH		
16	.01134	Nguyễn Vĩnh Nam	22.09.2000		1854040030	K12_TKTT		
17	.01135	Nguyễn Thị Nga	28.10.2000		1853420031	K12_QLVH		
18	.01136	Đoàn Thị Ngân			doanthingan			
19	.01137	Bùi Tiến Nghĩa	06.03.1999		1754030027	K9A_TKDH		
20	.01138	Hoàng Trọng Nghĩa	26.11.1999		1754030127	K9C_TKDH		
21	.01139	Dương Bích Ngọc	01.07.1999		1754030128	K9C_TKDH		
22	.01140	Hoàng Bảo Ngọc	24.07.1999		1754030029	K9A_TKDH		
23	.01141	Hoàng Thị Minh Ngọc	13.07.1999		1754030079	K9B_TKDH		
24	.01142	Nguyễn Phùng Minh Ngọc	29.03.2000		1854040033	K12_TKTT		
25	.01143	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	04.10.1998		1854040032	K12_TKTT		
26	.01144	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	17.06.2000		1853420058	K12_QLVH		
27	.01145	Phạm Thị Nhân	19.07.1999		1754030129	K9C_TKDH		
28	.01146	Đào Lan Nhi	05.07.1999		1753420037	K11_QLVH		
29	.01147	Lê Thị Hoài Nhi	15.09.1999		1754030030	K9A_TKDH		
30	.01148	Nguyễn Thị Thảo Nhi	31.12.1998		1754030080	K9B_TKDH		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
 Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất

HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01149	Tạ Hoàng Lan	Nhi	11.12.2000		1853420059	K12 QLVH		
2	.01150	Đường Thị	Nhung	26.02.1999		1754030031	K9A_TKDH		
3	.01151	Hồ Thị	Nhung	22.06.2000		1854040034	K12 TKTT		
4	.01152	Lã Thị	Nhung	27.11.2000		1854040035	K12 TKTT		
5	.01153	Nguyễn Hồng	Nhung	12.12.1999		1754030081	K9B_TKDH		
6	.01154	Trần Thị Mai	Nhung	06.06.2000		1853420060	K12 QLVH		
7	.01155	Phạm Huy	Phát	05.12.1997		1852050051	K6B TN		
8	.01156	Lương Văn	Phong	03.01.1999		1754030032	K9A_TKDH		
9	.01157	Đàm Văn	Phúc	09.07.1996		1754030082	K9B_TKDH		
10	.01158	Nguyễn Tiến	Phúc	13.07.1999		1754030033	K9A_TKDH		
11	.01159	Dương Minh	Phương	09.07.2000		1853420034	K12 QLVH		
12	.01160	Nguyễn Thị	Phương	17.02.2000		1854040036	K12 TKTT		
13	.01161	Nguyễn Thu	Phương	07.09.1999		1754030131	K9C_TKDH		
14	.01162	Trần Thị Thu	Phương	28.08.2000		1854040037	K12 TKTT		
15	.01163	Hoàng Đình	Quang	01.05.1999		1754030034	K9A_TKDH		
16	.01164	Lưu Thị	Quế	12.05.1999		1754040030	K11A_TKTT		
17	.01165	Trần Lệ	Quyên	28.06.1999		1754030035	K9A_TKDH		
18	.01166	Trần Thị Hồng	Quyên	14.05.2000		1854040039	K12 TKTT		
19	.01167	Hà Huy	Quyên	07.07.1999		1852340009	K4 DVK-DA		
20	.01168	Chu Thị	Quyên	18.04.2000		1854040040	K12 TKTT		
21	.01169	Nguyễn Văn	Quyết	22.02.1999		1754030083	K9B_TKDH		
22	.01170	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	06.11.1996		1852340010	K4 DVK-DA		
23	.01171	Nguyễn Thanh	Sâm	03.10.1998		1852050025	K6A TN		
24	.01172	Nguyễn Văn	Sơn	25.09.1997		1852050052	K6B TN		
25	.01173	Vũ Hồng	Sơn	21.02.1999		1853420056	K12 QLVH		
26	.01174	Viên Thị	Tâm	05.03.1999		1754040031	K11A_TKTT		
27	.01175	Nguyễn Tiến	Thái	15.08.2000		1852340012	K4 DVK-DA		
28	.01176	Ngô Đại	Thanh	12.04.1999		1754030084	K9B_TKDH		
29	.01177	Ngô Thị Hải	Thanh	29.01.1998		1754030133	K9C_TKDH		

Tổng số 29 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:

Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01178	Bùi Duy	Thành	17.05.1999		1754030038	K9A_TKDH		
2	.01179	Đỗ Ngọc	Thành	09.05.2000		1852050027	K6A TN		
3	.01180	Trần Tiến	Thành	22.03.2000		1852080020	K4 Piano		
4	.01181	Nguyễn Phương	Thảo	23.09.2000		1854040074	K12 TKTT		
5	.01182	Nguyễn Thị	Thảo	28.11.1999		1754030134	K9C_TKDH		
6	.01183	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22.01.2000		1854040041	K12 TKTT		
7	.01184	Vũ Thị Phương	Thảo	25.01.1999		1754030039	K9A_TKDH		
8	.01185	Quách Phương	Thắm	04.01.2000		1854040062	K12 TKTT		
9	.01186	Phạm Xuân	Thắng	16.05.1999		1754030036	K9A_TKDH		
10	.01187	Nguyễn Hữu	Thìn	22.04.2000		1852340013	K4 DVK-DA		
11	.01188	Đỗ Bảo	Thoa	05.09.2000		1854040042	K12 TKTT		
12	.01189	Nguyễn Thị	Thu	21.12.1999		1753420068	K11 QLVH		
13	.01190	Nguyễn Thị Hoài	Thu	02.09.1999		1754030135	K9C_TKDH		
14	.01191	Nguyễn Thị	Thúy	21.05.2000		1854040044	K12 TKTT		
15	.01192	Trần Thị Diệu	Thúy	19.10.1999		1754030088	K9B_TKDH		
16	.01193	Phạm Thị	Thùy	08.01.1999		1754030042	K9A_TKDH		
17	.01194	Vũ Thị	Thùy	12.07.1999		1754030137	K9C_TKDH		
18	.01195	Vũ Đình	Thực	14.02.1999		1754030136	K9C_TKDH		
19	.01196	Lê Thị Thủy	Tiên	21.07.2000		1854040047	K12 TKTT		
20	.01197	Phạm Thủy	Tiên	08.07.1999		1754030043	K9A_TKDH		
21	.01198	Lê Anh	Toàn	24.08.1999		1754030091	K9B_TKDH		
22	.01199	Nguyễn Đức	Toàn	07.07.2000		1854040048	K12 TKTT		
23	.01200	Bùi Thị Huyền	Trang	03.09.2000		1852050055	K6B TN		
24	.01201	Dương Thị	Trang	24.08.1999		1852340014	K4 DVK-DA		
25	.01202	Dương Thùy	Trang	28.11.1998		1854040071	K12 TKTT		
26	.01203	Đàm Thị Thùy	Trang	21.11.2000		1854040050	K12 TKTT		
27	.01204	Đào Thị Thùy	Trang	24.09.1997		1753420050	K11 QLVH		
28	.01205	Đinh Thị Quỳnh	Trang	16.05.1999		1754040041	K11B_ TKTT		
29	.01206	Lê Thị Hà	Trang	23.08.1999		1754030044	K9A_TKDH		
30	.01207	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	17.11.1999		1754030093	K9B_TKDH		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất **HỘI ĐỒNG THI**

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai

TT	SBD	Họ và Tên		Năm Sinh	Phái	MSV	Lớp	Số tờ	Ký tên
1	.01208	Nguyễn Thu	Trang	16.06.2000		1853420061	K12 QLVH		
2	.01209	Nông Thị	Trang	19.05.1990		1552080022	K1_Piano		
3	.01210	Trương Thị	Trang	07.05.2000		1854040051	K12 TKTT		
4	.01211	Vũ Thị Huyền	Trang			trangnc1	K4B TKĐH		
5	.01212	Trịnh Thị Tuyết	Trình	21.11.2000		1854040072	K12 TKTT		
6	.01213	Nguyễn Thủy	Trúc	23.12.2000		1854040054	K12 TKTT		
7	.01214	Hoàng Văn	Trung	21.04.1999		1754040045	K11B_TKTT		
8	.01215	Nguyễn Bảo	Trung	31.01.1999		1754030094	K9B_TKDH		
9	.01216	Nguyễn Thị	Tú	22.03.2000		1854040055	K12 TKTT		
10	.01217	Nguyễn Duy	Tuấn	21.02.1999		1754030139	K9C_TKDH		
11	.01218	Nguyễn Hoàng	Tuấn	24.12.1997		1754030095	K9B_TKDH		
12	.01219	Bùi Ngọc	Tùng			tungnc1	K4TKDH		
13	.01220	Hà Sơn	Tùng			tungnc2	K4CTKDH		
14	.01221	Tô Xuân	Tùng	14.09.1999		1754030141	K9C_TKDH		
15	.01222	Trần Thanh	Tùng	09.03.1996		1652080020	K2_Piano		
16	.01223	Nguyễn Huy	Tuyên	12.12.1999		1754030047	K9A_TKDH		
17	.01224	Nguyễn Thị	Tuyết	27.02.1999		1754030142	K9C_TKDH		
18	.01225	Nguyễn Thị Thu	Uyên	22.08.2000		1854040057	K12 TKTT		
19	.01226	Phan Thị Tố	Uyên	14.09.2000		1854040056	K12 TKTT		
20	.01227	Trần Thị Tố	Uyên	04.07.2000		1854040063	K12 TKTT		
21	.01228	Lại Hà	Vân	02.05.1999		1754030048	K9A_TKDH		
22	.01229	Đỗ Tuyết	Vi	20.03.1999		1754030098	K9B_TKDH		
23	.01230	Vũ Đức	Việt	27.04.1997		1852050057	K6B TN		
24	.01231	Bùi Quang	Vinh	05.10.1999		1754030143	K9C_TKDH		
25	.01232	Nguyễn Thị Hồng	Vy	06.08.2000		1852050035	K6A TN		
26	.01233	Bùi Thanh	Xuân	03.02.1999		1754030049	K9A_TKDH		
27	.01234	Hoàng	Yến	08.04.2000		1854040059	K12 TKTT		
28	.01235	Nguyễn Hải	Yến	22.09.1999		1754030050	K9A_TKDH		
29	.01236	Nguyễn Thị	Yến	07.10.1999		1754030144	K9C_TKDH		
30	.01237	Nguyễn Thị Hải	Yến	24.12.2000		1854040060	K12 TKTT		

Tổng số 30 thí sinh Số thí sinh chính thức dự thi: Số bài thi: Số tờ:
Các số báo danh vắng:.....

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ nhất HỘI ĐỒNG THI

Tên và chữ ký cán bộ coi thi thứ hai